TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1050/2022/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Thủ Đức, ngày 06 tháng 4 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212 và Điều 213, Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 188/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Bà Hoàng Thị T, sinh năm: 1988
Địa chỉ: không số đường Nam Cao, tổ 2, khu phố O, phường X, Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Bùi Đức B, sinh năm: 1982
Địa chỉ: không số đường Nam Cao, tổ 2, khu phố O, phường X, Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ việc và căn cứ lời khai của đương sự trong quá trình tố tụng, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Người yêu cầu bà Hoàng Thị T và ông Bùi Đức B tự nguyện chung sống với nhau từ năm2009 , có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hà Bình, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 04 quyển số 01/2009 cấp ngày 02/02/2009. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông B là hợp pháp.

Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau, ông bà không còn tình cảm với nhau,. Nay ông bà cảm thấy vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa. Xét

tình trạng mâu thuẫn giữa bà T và ông B đã trầm trọng, cuộc sống chung thực sự không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân cũng không đạt được nên việc ông bà yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho ông bà là có cơ sở.

[2] Về con chung: Bà T và ông B trình bày có 02 người con chung tên Bùi Hoàng B1, sinh ngày 18/8/2010 và Bùi Nhật B2g, sinh ngày 2512/2012. Ông bà thỏa thuận: Bà T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Bùi Hoàng B1, sinh ngày 18/8/2010 và Bùi Nhật B2g, sinh ngày 25/12/2012. Ông B cấp dưỡng nuôi con 2.500.000 đồng/con hàng tháng cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Bà T và ông B trình bày không có tài sản chung

Về nợ chung: Bà T và ông B trình bày không có nợ chung.

Ngày 24 tháng 3 năm 2021, Tòa án lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ việc;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Bà Hoàng Thị T và ông Bùi Đức B thuận tình ly hôn;

Giấy chứng nhận kết hôn số 04 quyển số 01/2009 cấp ngày 02/02/2009 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện K, tỉnh J cấp cho bà Hoàng Thị T và ông Bùi Đức B không còn giá trị pháp lý.

- Về nuôi con chung: Bà Hoàng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Bùi Hoàng B1, sinh ngày 18/8/2010 và Bùi Nhật B2, sinh ngày 25/12/2012. Ông B cấp dưỡng nuôi con 2.500.000 đồng/con hàng tháng cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi.

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của người con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà T và ông B trình bày không có tài sản chung

Về nợ chung: Bà T và ông B trình bày không có nợ chung.

2. Về lệ phí tòa án: 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mỗi người nộp phải 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) và được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí bà T và ông B đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0025432 ngày 17/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T và ông B đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM
- CC THADS TP.Thủ Đức
- UBND X. L,
H. K, T. J;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trương Thị Thu Hiền